

Tập 42

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi hai:

(Sớ) Bộ loại giả, chuyên đàm Cực Lạc Đại Bản đẳng ngũ kinh dã. Văn Thù giả, Văn Thù Bát Nhã kinh, chuyên xưng danh tự Nhất Hạnh tam-muội dã.

(疏)部類者，專談極樂大本等五經也。文殊者，文殊般若經，專稱名字一行三昧也。

(Sớ: “Bộ loại” là những kinh chuyên giảng về Cực Lạc như năm kinh [Tịnh Độ]: Đại Bản v.v... Nói “Văn Thù” là chỉ kinh Văn Thù Bát Nhã, [kinh này giảng về] Nhất Hạnh tam-muội chuyên xưng niệm danh hiệu Phật).

“Bộ” là cùng một bộ (cùng giảng về một hạnh môn) chỉ cho Tịnh Độ Ngũ Kinh mà chúng ta đang nhắc đến. Danh xưng Ngũ Kinh¹ trong đoạn văn trên đây không phải là cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh đang được chúng ta lưu thông hiện thời. Bản thường lưu thông hiện thời thì kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ là Tịnh Độ Tam Kinh, người đời sau thêm vào Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm và Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm [của kinh Hoa Nghiêm], gọi chung là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Gần đây có người nói chẳng nên xếp phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm vào Tịnh Độ Ngũ Kinh, mà nên dùng Bát Nhã Tâm Kinh. Điều này thật ra rất vô lý. Mấy năm gần đây nhất, Phật giáo trên thế giới hết sức rối loạn, bản thân chúng ta phải hết sức dè chừng, những gì cổ đại đức chọn lựa nhất định có lý!

Tịnh Độ Tam Kinh, Cổ Âm Vương Kinh, và Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh là căn cứ giáo lý để Liên Trì đại sư viết bộ chú giải này, đây là những kinh điển để Ngài y cứ. Ngài lấy năm kinh này làm chánh, đủ thấy chú giải và giảng đều chẳng dễ dàng, nhất định phải lấy kinh điển làm căn cứ. Giảng đến Hạnh Môn thì cách niệm Phật như thế nào? Phương pháp Niệm Phật rất nhiều, nói tổng quát thì có bốn loại lớn, trong mỗi một loại đều

¹ Chữ Tịnh Độ Ngũ Kinh trong lời Sớ của tổ Liên Trì chỉ ba kinh Tịnh Độ (A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh), Cổ Âm Thanh Vương Kinh và Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh.

có rất nhiều phương pháp niệm, rốt cuộc là y cứ loại nào? Mà loại ấy là do ai truyền lại? Đây đều là những chuyện mà người niệm Phật chúng ta hết sức quan tâm. Trong kinh này, phương pháp niệm Phật do đại sư dạy cho chúng ta dựa trên “*Nhất Hạnh tam-muội chuyên xưng niệm danh hiệu*” trong kinh Văn Thù Bát Nhã. Nhìn từ phương diện này, bất luận về mặt kinh luận, hay về mặt phương pháp, chỗ y cứ của lão nhân gia đều có thể nói là tối thượng thừa, đáng cho chúng ta tin tưởng, nương cậy. Khi dẫn dụng kinh điển thì kinh được dẫn dụng nhiều nhất là kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Tạp Hoa giả.

(疏) 雜華者。

(Sớ: Tạp Hoa là...)

Tạp Hoa là kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông, minh giáo phi quyền thiện dã.

(疏) 以華嚴性海為宗，明教非權淺也。

(Sớ: Lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông, nhằm chỉ rõ giáo pháp này chẳng phải là quyền biến hay nông cạn).

Hoa Nghiêm là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, “*Tánh hải vi Tông*” (Tánh hải làm Tông) chính là nói về tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối đều nói về Chân Như bốn tánh.

(Diễn) Tánh hải vi Tông giả, Hoa Nghiêm tứ phần.

(演) 性海為宗者，華嚴四分。

(Diễn: “Tánh hải làm Tông”: Kinh Hoa Nghiêm có bốn phần).

Kinh Hoa Nghiêm gồm bốn phần “*Tín, Giải, Hành, Chứng*”, nói lên trọn vẹn Phật pháp, bất cứ phần nào cũng đều giảng rõ ràng, hết sức thấu triệt, tường tận. Đây chính là căn bản pháp luân của Phật pháp.

(Diễn) Ngũ châu.

(演) 五周。

(Diễn: Và năm tầng [nhân quả]).

“Ngũ châu” là nói tới nhân quả, kinh Hoa Nghiêm có năm tầng nhân quả².

(Diễn) Lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới, nhị thập chủng Hoa Tạng, cập vô lượng hương thủy hải, giai từng nhất tâm lưu xuất, cố dĩ “Tánh hải vi Tông” dã.

(演)六相，十玄，四種法界，二十重華藏，及無量香水海，皆從一心流出，故以性海為宗也。

(Diễn: Sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới, hai mươi thứ Hoa Tạng, và vô lượng biển nước thơm, đều từ nhất tâm lưu xuất, vì thế, lấy Tánh hải làm Tông).

Nguyên tắc và nguyên lý của nhân sinh và vũ trụ được giảng trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung chẳng ngoài “lục tướng, thập huyền, tứ pháp giới”. Hai mươi thứ thế giới Hoa Tạng³ cũng mang ý nghĩa biểu thị pháp.

² Ngũ châu nhân quả: Sở Tín Nhân Quả, Sai Biệt Nhân Quả, Bình Đẳng Nhân Quả, Thành Hạch Nhân Quả và Chứng Nhập Nhân Quả. Sở Tín Nhân Quả là phần giảng quả báo về mặt y báo và chánh báo của Như Lai (từ quyền một đến quyền mười một, gồm sáu phẩm). Sai Biệt Nhân Quả là nói đến lộ trình tu chứng thành Phật, nêu rõ nhân quả tu chứng của bốn mươi một địa vị tu chứng của hàng Pháp Thân đại sĩ (từ quyền mười hai đến quyền bốn mươi tám, gồm hai mươi chín phẩm). Bình Đẳng Nhân Quả là nói về nhân do tu Phổ Hiền Hạnh và quả nơi cảnh giới Như Lai, nhân quả tương dung, bình đẳng vô sai biệt (gồm hai phẩm, từ quyền bốn mươi chín đến quyền năm mươi hai). Thành Hạch Nhân Quả tuyên thuyết nhân quả xuất thế, trước hết giảng ngũ vị nhân hạnh, sau luận về tám tướng thành đạo (gồm một phẩm, từ quyền năm mươi ba đến quyền năm mươi chín). Chứng Nhập Nhân Quả tuyên thuyết diệu môn nhập pháp giới (bao gồm toàn bộ những quyền còn lại), trước hết nêu rõ đại dụng tự tại nơi Phật quả, và nêu lên sự khởi dụng tu nhân của hàng Bồ Tát (mà điển hình là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử).

³ Theo phẩm Hoa Tạng Thế Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải được nghiêm tịnh bởi việc tu trì thanh tịnh thế giới vì trần số đại nguyện do đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai đối trước mỗi đức Phật trong khi Ngài còn tu hạnh Bồ Tát, thân cận vi trần số Phật trong vi trần vô số kiếp trước. Hoa Tạng Thế Giới Hải được Tu Di Sơn vi trần số phong luân nhiếp trì. Trên tầng phong luân cao nhất là biển hương thủy (nước thơm), trong biển ấy có một hoa sen to tên là Chủng Chủng Quang Minh Hương Tràng. Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải ở ngay trên hoa sen ấy được bao quanh bằng Kim Cang Luân Sơn. Đất ở phía trong Kim Cang Luân Sơn đều do chất Kim Cang hợp thành. Trên đất ấy lại có bất khả thuyết Phật sát

vi trần số biển nước thơm, mỗi một biển nước thơm được bao quanh bởi tứ thiên hạ vi trần số sông nước thơm. Trong mỗi sông nước thơm lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chủng. Trong mỗi thế giới chủng lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới. Biển nước thơm ở ngay trung tâm có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang, trong đó có một hoa sen lớn. Trên hoa sen ấy có một thế giới chủng tên là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nhiên Bảo Quang Minh, hai mươi thứ thế giới trang nghiêm đều xuất hiện trong thế giới chủng ấy, xếp chồng lên nhau. Mỗi thứ thế giới trang nghiêm như vậy đều bao gồm Phật sát vi trần số thế giới. Hai mươi thứ thế giới ấy kể từ dưới lên trên như sau:

1. Tối Thắng Quang Biên Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, dùng các thứ bảo ma-ni để trụ, Phật hiệu Ly Cầu Đăng.
2. Chủng Chủng Hương Liên Hoa Diệu Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, dùng lưới hoa sen báu để trụ, Phật hiệu Sư Tử Quang Thắng Chiếu.
3. Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Phổ Chiếu Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào các thứ anh lạc báu để trụ, Phật hiệu Tịnh Quang Trí Thắng Tràng.
4. Chủng Chủng Quang Minh Hoa Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Kim Cang Thi La Tràng nhiều màu để trụ, Phật hiệu Kim Cang Quang Minh Vô Lượng Tinh Tấn Lực Thiện Xuất Hiện.
5. Phổ Phóng Diệu Hoa Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thấy cây cối được trang nghiêm bởi lưới bánh xe báu để trụ, Phật hiệu Hương Quang Hỷ Lực Hải.
6. Tịnh Diệu Quang Minh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển cung điện Kim Cang để trụ, Phật hiệu Phổ Quang Tự Tại.
7. Chúng Hoa Diễm Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thấy các ngọn lửa có màu giống như các thứ báu để trụ, Phật hiệu Hoan Hỷ Hải Công Đức Danh Xưng Tự Tại Quang.
8. Xuất Sanh Oai Lực Địa Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ tòa hoa sen bảo sắc [rộng lớn như] hư không để trụ, Phật hiệu Quảng Đại Danh Xưng Trí Hải Tràng.
9. Xuất Diệu Âm Thanh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Ma Ni Vương thường lưu xuất mây hết thấy âm thanh nhiệm mầu trang nghiêm để trụ, Phật hiệu Thanh Tịnh Nguyệt Quang Tướng Vô Năng Tồi Phục.
10. Kim Cang Tràng Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thấy trang nghiêm sư tử tòa Ma Ni để trụ, Phật hiệu Nhất Thiết Pháp Hải Tối Thắng Vương.
11. Hằng Xuất Hiện Đế Thanh Bảo Quang Minh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ hoa đặc biệt lạ lùng để trụ, Phật hiệu Vô Lượng Công Đức Hải.
12. Quang Minh Chiếu Diệu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Hoa Toàn Hương Thủy để trụ, Phật hiệu Siêu Thích Phạm.
13. Sa Bà Hoa Tạng Thế Giới, nương vào lưới hoa sen được gìn giữ bởi các phong luân nhiều màu để trụ, Phật hiệu Tỳ Lô Giá Na Như Lai Thế Tôn.
14. Tịch Tĩnh Ly Trần Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ y báu để trụ, Phật hiệu Biên Pháp Giới Thắng Âm.
15. Chúng Diệu Quang Minh Đăng Hoa Tạng Thế Giới, nương vào lưới tịnh hoa để trụ, Phật hiệu Bất Khả Tồi Phục Lực Phổ Chiếu Tràng.

Thế giới Hoa Tạng vì sao có hai mươi thứ? Trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật dùng “mười” để biểu thị đại viên mãn, kinh này dùng “bảy” để biểu thị đại viên mãn. Do vậy, chúng đều chẳng phải là con số, mà mang ý nghĩa biểu thị pháp. “*Nhị thập chủng*” là nói thế gian và xuất thế gian, thế gian có mười thứ, xuất thế gian có mười thứ, biểu thị đại viên mãn của xuất thế gian lẫn thế gian. Đồng thời còn hiển thị tự lợi và lợi tha. Tự lợi có mười thứ đại viên mãn, lợi tha cũng có mười thứ đại viên mãn. Kinh nói thế giới Sa Bà ở tầng thứ mười ba, tức tầng thứ mười ba trong hai mươi tầng [của thế giới Hoa Tạng], đương nhiên là tự lợi trước rồi mới lợi tha. Điều này có nghĩa là lợi tha vượt trội tự lợi. Những con số này chẳng phải là thật sự chỉ có tầng cấp nhiều ngàn ấy mà nhằm biểu thị pháp. Nếu nói đến tầng cấp [thật sự] thì có vô lượng vô biên.

Nếu nói toàn bộ vũ trụ và nhân sinh, nói theo thuật ngữ Phật học là “*y chánh trang nghiêm*”, tức là y báo và chánh báo đều “*tùng nhất tâm lưu xuất*” (lưu xuất từ nhất tâm). Nhất tâm là bốn tánh, nhất tâm rộng lớn chẳng có ngăn mé. Do vậy, nó được sánh ví như biển. Trong thế gian của chúng ta, biển rộng nhất. Vì thế, lấy biển để tỷ dụ bốn tánh của chúng ta, hoàn toàn là từ Chân Như bốn tánh biến hiện ra. Rồi khỏi tâm tánh, sẽ không có một vật nào khác, hết thấy kinh điển Đại Thừa đều nói như vậy. Bởi thế, lấy Tánh hải làm tông chỉ.

Trong đoạn này, chúng ta hãy đặc biệt chú ý “*nhất tâm*”. Nhất tâm lưu xuất pháp giới. Do vậy, pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới. Đã là Nhất Chân thì Nhất Chân là chân thật, quyết định không có sai lầm, vì sao kinh lại nói tới mười pháp giới, hoặc nói vô lượng pháp giới? Những điều này do đâu mà có, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng. Nói mười pháp giới hay nói vô lượng pháp giới đều là nói phương tiện, vì chúng chẳng chân thật. Đã không chân thật thì sao lại phải nói? Tuy chẳng chân thật, nhưng có chuyện ấy tồn tại. Ví như nằm mộng, mộng chẳng phải là chân thật, nhưng mộng có hay không? Thật sự có! Tuyệt đại đa số con

16. Thanh Tịnh Quang Biến Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hoa sen các thứ hương diệm để trụ, Phật hiệu Thanh Tịnh Nhật Công Đức Nhãn.

17. Bảo Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Quang Minh Tạng Ma Ni Tạng để trụ, Phật hiệu Vô Ngại Trí Quang Minh Biến Chiếu Thập Phương.

18. Ly Trần Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển diệm hoa sư tử tòa để trụ, Phật hiệu Vô Lượng Phương Tiện Tới Thắng Tràng.

19. Thanh Tịnh Quang Phổ Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Vô Lượng Sắc Hương Diệm Tu Di Sơn để trụ, Phật hiệu Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quang.

20. Diệm Bảo Diệm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Nhất Thiết Chư Thiên Hình Ma Ni Vương để trụ, Phật hiệu Phước Đức Tướng Quang Minh.

người đem ngủ đều nằm mộng, mộng là có, nhưng chẳng phải là chân thật. Mười pháp giới, vô lượng pháp giới giống như nằm mộng. Kinh Kim Cang nói rất hay, “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Pháp hữu vi là mười pháp giới, vô lượng pháp giới. Đây là vì hàng sơ học chúng ta nên [đức Phật] chẳng thể không sử dụng pháp phương tiện để nói rõ những hiện tượng huyễn hữu này. “*Huyễn hữu*” là chẳng phải thật sự có, thật sự có chính là Nhất Chân pháp giới.

Pháp giới đã từ nhất tâm biến hiện, nên tu nhất tâm rất trọng yếu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu nhất tâm. Bất luận một pháp môn nào, danh xưng khác nhau, tuy danh tự khác nhau, nhưng cảnh giới đạt đến do tu học đều hoàn toàn tương đồng. Thế nhưng trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu nhất tâm bất loạn thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng thì chính là bộ kinh này. Hai câu quan trọng nhất trong kinh Di Đà là “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Tám chữ này là chủ thể và trung tâm của toàn bộ bản kinh. Dùng phương pháp nào để tu? Dùng một câu Phật hiệu, niệm sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật”, hoặc niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. Dùng phương pháp ấy, trực tiếp, ổn thỏa, thích đáng để tu nhất tâm bất loạn, tu tâm không điên đảo. Khi bắt đầu tu học, đương nhiên tâm vẫn bị loạn, vẫn bị điên đảo, nhưng nếu quý vị nắm được, nhất định chẳng vứt bỏ, chẳng lui sụt, nhất định đẩy lên tinh thần nắm chắc câu Phật hiệu này để niệm; niệm rồi quý vị mới biết hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn, thật sự có thể đạt tới nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo!

Nhất tâm bất loạn là Thiên Định tối cao, là Tánh Định, tức đại định xứng tánh, tâm chẳng điên đảo là trí huệ tối cao. Do vậy, mỗi tiếng niệm Phật đều là phước huệ song tu, Định là phước. Chúng ta ở trong thế gian, phước báo chân chánh là gì? Định là phước báo chân chánh. Bất luận trong cảnh giới nào, đều chẳng bị cảnh giới xoay chuyển, ở trong cảnh giới như như bất động, người ấy có phước. Nếu tâm chuyển theo cảnh giới bên ngoài sẽ khá khổ sở. Vì sao? Quý vị bị vận mạng xoay chuyển, bị Phong Thủy xoay chuyển; vận mạng và Phong Thủy [bền trở thành] có thật. Nếu quý vị tu Định thành công, vận mạng và Phong Thủy không còn nữa, vì sao? Vận mạng và Phong Thủy bị quý vị chuyển. Phong Thủy không tốt, quý vị đến ngôi nơi đó, Phong Thủy sẽ chuyển biến tốt đẹp. Nó chuyển theo tâm của quý vị, chứ chúng ta không bị chuyển theo nó. Đây là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được cảnh, sẽ giống như Như Lai). Phật pháp thừa nhận con người có vận mạng, thế gian này có Phong Thủy, nhưng Phật pháp chẳng

đề cao vận mạng và Phong Thủy! Phật pháp đề cao nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, tự chuyển vận mạng, tự chuyển Phong Thủy, tự tại lắm! Do vậy, học Phật nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Hôm trước, tôi gặp một đồng tu, tuổi rất trẻ, làm nghề buôn bán. Có một tay tướng số muốn giúp anh ta đoán mạng, nhưng đòi tiền công ba mươi vạn. Tôi bảo anh ta: “Ông rất đáng thương, mạng ông chỉ đáng ba mươi vạn ư?” Người này rất thông minh, anh ta nói: “Tôi có ba mươi vạn đem làm công đức, tôi chẳng đưa tiền cho gã thầy bói”. Như vậy là đúng, anh ta có thể xoay chuyển vận mạng. Vì thế, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Còn có người xem Phong Thủy, tôi nghe nói mỗi lần coi cũng tốn mấy chục vạn. Nếu đem mấy chục vạn ấy bố thí, cứu tế, làm chuyện tốt, Phong Thủy sẽ chuyển theo quý vị, quý vị chẳng bị Phong Thủy chuyển. Học Phật nhất định phải hiểu lý!

Vì vậy, trong vô lượng pháp môn, trực tiếp tu nhất tâm là bộ kinh này, cái hay của bộ kinh này là ở chỗ này: Nếu quý vị đặc nhất tâm, đương nhiên sẽ nhập Nhất Chân pháp giới. Tôi giảng Hoa Nghiêm và khi giảng các kinh, thường nói gộp lại: Nhất Chân pháp giới là sở nhập, tức cảnh giới được nhập, nhất tâm bất loạn là năng nhập. Chỉ cần chúng ta đặc nhất tâm, quý vị liền nhập Nhất Chân pháp giới. Nhập Nhất Chân pháp giới chẳng phải là người tầm thường! Theo như kinh Hoa Nghiêm nói: Đó là Pháp Thân đại sĩ, là đại Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đại đức cực lực đề xướng pháp môn này, khuyên dạy chúng ta tu học pháp môn này. Nếu hoài nghi pháp môn này, sẽ chẳng thể sanh lòng tin, chẳng thể y giáo phụng hành, giống như lão pháp sư Ấn Quang đã nói: “*Nghiệp chướng sâu nặng!*” Phàm những ai có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành thì đều là người có thiện căn, phước đức, và nhân duyên đầy đủ. Nếu có đủ ba điều kiện này, quý vị sẽ có thể ổn thỏa, thích đáng thành tựu trong một đời này.

Có một ngày Hè, chùa Thiên Lâm mở khóa đại chuyên giảng tòa, cư sĩ Lam Cát Phú đến hỏi tôi một câu: “Kinh Phật nói thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, lời ấy là thật hay giả?” Cách nói ấy trong kinh Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều có, Phật còn có thể nói dối hay sao? Nhưng ông ta hoài nghi, ông ta đến hỏi tôi. Tôi bảo ông ta: “Vừa thật vừa giả!” Ông ta ngần ngại, vì sao vừa thật vừa giả? Tôi bảo ông ta: “Nếu ba điều kiện thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ thì ông có thể thành Phật ngay trong một đời, chẳng cần đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Trong ba điều ấy, nếu thiếu một điều, đời này sẽ chẳng thể thành tựu”. Tôi bảo ông ta hãy tự suy nghĩ, trong một đời, nếu ba điều kiện ấy đều đầy đủ thì có

bao nhiêu người được như vậy? Ông ta suy nghĩ: Quả thật là phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Quả thật chẳng dễ dàng!

Thiện căn là gì? Thiện căn là tín giải (tin, hiểu), quyết định chẳng hoài nghi, hoàn toàn tin tưởng khẳng định. Không chỉ tin tưởng, mà còn có thể lý giải. Vì thế, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Y giáo tu hành là phước. Chẳng chịu y giáo tu hành, dầu có tin, dầu có giải, nhưng chẳng chịu làm thì người ấy tuy có thiện căn, nhưng chẳng có phước đức! Nhân duyên là Tăng Thượng Duyên. Ví như người thật sự có thiện căn và phước đức, nhưng trong một đời chẳng gặp gỡ Phật pháp, mà gặp ngoại đạo, người ấy cũng có thể tin, có thể hiểu pháp ngoại đạo, người ấy cũng sốt sắng tu hành, tu trở thành một gã ngoại đạo, đáng tiếc! Thiếu nhân duyên mà!

Trong nhân duyên, Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, làm sao có thể gặp được pháp môn Tịnh Độ? Pháp môn Tịnh Độ thành tựu trong một đời, những pháp môn khác chẳng thể thành tựu trong một đời; đời đời kiếp kiếp tu tập, vẫn là phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Điều này chứng tỏ: Nếu quý vị tin tưởng pháp môn này, chiếu theo pháp môn này tu hành, quý vị sẽ thành Phật trong một đời, chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nếu chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, mà học Thiên, học Mật, học những pháp môn khác, thì thưa cùng quý vị, vẫn là phải ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Điều này tuyệt đối chẳng phải là gạt người!

(Sớ) Minh giáo phi quyền thiển dã.

(疏) 明教非權淺也。

(Sớ: Nói rõ giáo pháp này chẳng phải là quyền biến, nông cạn).

“Giáo” là pháp môn Tịnh Độ. “Giáo” là giáo học, giáo học này chẳng phải là Quyền. Quyền (權) là pháp phương tiện, chẳng phải là Quyền thì là gì? Chân thật! Chẳng phải là “thiển” (淺), tức là có mức độ khá sâu. Điều này là xác thực, cổ đại đức thường nói pháp môn này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể hiểu thấu triệt*”; đủ thấy giáo này chẳng nông cạn, đừng coi pháp này là pháp nông cạn.

Có những người tự cậy mình thông minh, chẳng cam tâm tu pháp môn Niệm Phật, đại khái là họ thấy tu hành pháp môn Niệm Phật rất dễ dàng: Niệm một câu A Di Đà Phật chẳng cần phải quán tưởng, cũng chẳng cần phải tham cứu, chẳng cần đến bất cứ nghi thức nào, đi, đứng, nằm, ngồi trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật là được rồi, thật sự quá dễ dàng! Trên mặt Sự thì thực hành quá dễ dàng, nhưng trên lý luận lại rất

sâu. Pháp môn này hết sức thích hợp với cuộc sống của con người hiện đại; con người hiện đại khá bận bịu, niệm Phật chẳng trở ngại công việc. Đây là nói về giáo học.

(Sớ) *Quần điển giả, dẫn chư kinh luận dĩ chứng minh, ngôn phi ức kiến dã.*

(疏) 群典者，引諸經論以證明，言非臆見也。

(Sớ: “Quần điển”: Dẫn các kinh luận để chứng minh, ý nói chẳng phải là đoán mò).

Chú giải của đại sư chỗ nào cũng có kinh điển dẫn chứng, không có câu nào chẳng có căn cứ. Đây là chỗ hay của lão nhân gia, trọn chẳng do chính mình giả định, suy đoán rồi nói với người đời sau. Những điều do chính Ngài suy tưởng cũng vốn sẵn có trong kinh luận, vẫn là dẫn dụng kinh điển để làm sáng tỏ [chứ không nói là ý tưởng của chính mình], thật sự là “*y pháp, bất y nhân*”.

(Sớ) *Tường như nghĩa lý bộ loại nhị môn, cập hậu kinh văn trung biện.*

(疏) 詳如義理部類二門，及後經文中辯。

(Sớ: Muốn biết tường tận nghĩa lý của hai môn Bộ và Loại thì đến phần kinh văn ở phía sau sẽ biện định).

Tới phần sau, Ngài sẽ giảng tường tận cho chúng ta hình thái của Sớ Sao và dẫn chứng bằng những thí dụ trong kinh luận.

(Sớ) *Tiêu quy tự kỷ giả, minh bất chuyên sự tướng, cứu kỳ quy trước, tất giai tiêu hóa, dung hội, quy u ngã chi bốn tánh.*

(疏) 消歸自己者，明不專事相，究其歸著，悉皆消化融會，歸於我之本性。

(Sớ: “Tiêu quy tự kỷ” ý nói: Chẳng chuyên luận về sự tướng, xét đến chỗ quy kết, tất sẽ tiêu hóa, dung hội, gộp về bốn tánh của ta).

Tiêu quy tự tánh, câu này hết sức trọng yếu trong “nghe pháp, tu hành”. Chúng ta nghe kinh [được lợi ích hay không là do] có biết nghe hay là không? Người biết nghe, nghe xong sẽ khai ngộ; người không biết nghe, nghe xong rồi bèn tăng trưởng tà kiến, đó gọi là “*tử tại ngôn hạ*”

(chết cứng nơi lời nói), chẳng khai ngộ. Đọc kinh cũng như vậy, đọc kinh thì là “*tử tại cú hạ*” (chết cứng nơi câu văn), chết cứng nơi từng dòng chữ, đọc sách chết cứng. Tất cả kinh luận đều nhằm khơi gợi, phát khởi ngộ tánh của chúng ta, giúp chúng ta khai ngộ. Kết quả là chúng ta càng đọc càng chẳng thể khai ngộ, càng đọc càng lăm chướng ngại, đây là không biết đọc! Thế nào mới là biết đọc? Biết tiêu quy tự tánh thì gọi là biết đọc, điều này rất quan trọng!

Tiêu quy tự tánh như thế nào? Ở đây, chúng tôi nói đơn giản dễ hiểu thì thứ nhất là chẳng chấp tướng, tức là “*bất chuyên sự tướng*” (chẳng chuyên chú nơi sự tướng). Con người hiện thời chuyên môn nghiên cứu danh tướng; danh từ, thuật ngữ dù hiểu rõ đến đâu đi nữa, bất quá chỉ là một bộ Phật Học Từ Điển sống mà thôi, chẳng thể khai ngộ! Do vậy, học gì đều chớ nên ghi nhớ chết cứng danh tướng. Trong Phật pháp, danh tướng là công cụ để dạy học, là thủ đoạn, là phương pháp, chẳng phải là mục đích. Quý vị phải vận dụng nó để đạt đến mục đích, mục đích là khai trí huệ.

Do vậy, chớ nên chuyên chú nơi danh tướng, phải từ danh tướng mà tham cứu, quy kết (quy túc, đạt đến). Trong nhà Phật nói “tham cứu”, chẳng bảo quý vị nghiên cứu! Nghiên cứu và tham cứu khác nhau, nghiên cứu là dùng Ý Thức, tức thức thứ sáu, dùng khảo sát, suy nghĩ. Phật pháp chẳng dùng khảo cứu và suy nghĩ. Khảo cứu và suy nghĩ là phân biệt, chấp trước. Phật pháp dạy quý vị lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, nay quý vị cứ khẳng khẳng dùng hết thấy phân biệt, chấp trước, tức là đã hoàn toàn trái nghịch với Phật pháp mất rồi!

Dùng tâm ý thức là đại chướng ngại trong khai ngộ. Tham Thiền, lìa tâm ý thức gọi là “tham cứu”. Dùng tâm ý thức thì chẳng gọi là “tham”. Tâm ý thức là gì? “Tâm” là A Lại Da Thức, tác dụng của A Lại Da Thức là ghi ấn tượng, giữ lại chủng tử. “Ý” là Mạt Na Thức, công năng của nó là chấp trước, tức Ngã Chấp và Pháp Chấp. “Thức” là thức thứ sáu, tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt. Nói cách khác, lìa tâm ý thức là gì? Nói đơn giản là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng ghi lại ấn tượng, đó gọi là “tham”, hay “tham cứu”. Tham Thiền phải dùng phương pháp này, nghe kinh cũng phải dùng phương pháp này, đọc tụng vẫn là dùng phương pháp này. Thậm chí chúng ta niệm một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” cũng chẳng rời phương pháp này, quý vị mới có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo. Nhất tâm bất loạn là đại định, là đại định xứng tánh; tâm chẳng điên đảo là khai huệ, đại triệt, đại ngộ.

Chúng ta không hiểu nguyên lý và nguyên tắc, hằng ngày niệm một câu A Di Đà Phật vẫn là dùng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó gọi là “*tu mù, luyện đui*”; chỉ có thể nói là niệm thì tốt hơn chẳng niệm, vì sao? Tu mù luyện đui, trong A Lại Da Thức giữ lại chủng tử Phật. Nói như vậy là cảnh giới khá cao, dường như chẳng khác Tối Thượng Thượng Thiên và Mật tối cao. Nói như vậy thì sợ rằng kẻ sơ học chúng ta suốt một đời này chẳng có hy vọng vãng sanh. Quý vị hãy hết sức an tâm, vì sao? Tôi vừa mới nói: “*Lìa tâm ý thức, tiêu quy tự tánh*” đích xác là Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Tịnh Độ, đây là đã đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu quý vị hiểu đường nẻo ấy, hãy lìa tâm ý thức mà niệm Phật. Chỗ thù thắng nhất trong pháp môn này chính là đời nghiệp vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chúng ta ai cũng có phần. Vì sao? Có thể phân biệt, chấp trước, cũng như có thể khởi vọng tưởng mà vẫn có thể vãng sanh! Chúng ta vừa nghe nói như vậy, trong lòng rất khoan khoái, vậy thì ta cũng có phần, ta cũng có thể vãng sanh. Ai nấy đều có phần trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì chẳng phải là ai cũng có phần. Những người như vậy [hiếm hoi như] lông phượng, sừng lân, nhưng điều chẳng thể nghĩ bàn nhất trong pháp môn Tịnh Độ là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì sự hưởng thụ, thụ dụng và cảnh giới trong ấy gần như chẳng khác gì cõi Thật Báo, cũng giống như đã sanh vào cõi Thật Báo, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, không chỉ rất nhiều người không tin Tịnh Độ, mà ngay cả nhiều vị Bồ Tát cũng không tin tưởng. Lý quá sâu, nhưng Sự đúng là như vậy. Nếu quý vị không tin, chẳng chịu vãng sanh Tịnh Độ, nhân duyên thù thắng này ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật là đáng tiếc! Cổ nhân có tỷ dụ, giống như chúng ta bị bệnh quá nặng, hiện thời gặp được một thầy lang. Thầy lang chẩn đoán, ngay lập tức cắt thuốc, quý vị uống vào sẽ khỏi bệnh. Nếu quý vị chẳng chịu uống thuốc, mà hỏi thầy lang ấy: “Tôi bị bệnh gì? Bệnh do đâu mà có? Sanh bệnh vì nguyên nhân nào? Thuốc của ông do đâu mà có? Thuốc có tánh chất gì? Vì sao có thể trị lành bệnh này?” Những điều ấy đều muốn hiểu rõ thì phải theo học mấy năm ở đại học Y Khoa, chưa đến lúc hiểu rõ, quý vị đã mất mạng rồi! Lý Tịnh Độ là như vậy, cho nên quý vị hãy tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng A Di Đà Phật là được rồi, đừng hỏi tới những chuyện khác! Một câu Di Đà niệm cho tốt đẹp, niệm đến đời nghiệp vãng sanh là thành công rồi!

Sau khi công phu thành phiền, quả thật có năng lực vãng sanh, lúc ấy tùy thuộc vào chính quý vị: Quý vị có muốn vãng sanh sớm hơn một

chút hay không? Hay là muốn sống thêm vài năm nữa? Thừa cùng quý vị, sống thêm vài năm nữa, chẳng nhằm tham cầu hưởng thụ thế giới này! Phải hiểu đạo lý ấy, vì sao? Do tu hành trong thế giới Sa Bà khó hơn tu trong thế giới Cực Lạc, đã là khó khăn thì thành tựu sẽ cao. Vì thế, kinh dạy: *“Tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc bằng tu hành ở nơi đây một ngày”*. Chúng ta gạn hỏi: Tu hành ở nơi đây một ngày bằng người ta tu hành ở bên kia một trăm năm, thì nói cách khác: Nếu chúng ta sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, muốn nâng cao hơn một cấp tức là sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư thì gần như phải tu một vài đại kiếp, thời gian rất dài. Nếu chúng ta tu hành ở nơi đây, tốn công phu mấy năm là được rồi!

Nếu quý vị niệm Phật đến mức công phu thành phiên, lại mong đạt đến Sự nhất tâm bất loạn thì tốn thời gian năm năm hay mười năm sẽ đạt được. Như vậy thì vãng sanh Tây Phương sẽ chiếm tiện nghi rất lớn. Như vậy là đã nắm chắc vãng sanh nhưng chưa vãng sanh, vẫn tiếp tục tu hành ở nơi đây, không gì chẳng nhằm nâng cao cảnh giới của chính mình, chứ không phải để tiếp tục hưởng thụ. Thế giới Sa Bà khổ sở, đâu có thứ gì tốt đẹp để hưởng thụ? Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, còn có thể nâng cao lên thành Lý nhất tâm bất loạn, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Đến công phu thành phiên, lập tức mong vãng sanh, có nhiên là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu, nhưng chẳng bằng ở nơi đây, trong một thời gian hết sức ngắn ngủi, nâng cao cảnh giới và phẩm vị của chính mình. Nhất định phải hiểu lý này; chẳng hiểu rõ thì việc nâng cao cảnh giới sẽ bị chướng ngại.

“Tiêu quy”: Tiêu (消) là tiêu hóa, dung hội. Tiêu hóa điều gì? Lý tiêu hóa nơi Sự, Sự dung hội với Lý. Lý và Sự là một, không hai. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm: *“Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”*. Nếu chẳng thể tiêu hóa, dung hội, sẽ có chướng ngại! Rất nhiều đồng tu học Phật nói với tôi: *“Đạo lý Phật pháp quả thật quá tốt đẹp, nhưng chẳng ăn khớp với cuộc sống của chúng tôi, chẳng thể áp dụng vào cuộc sống thường ngày”*. Đây chính là *“Lý là Lý, Sự là Sự”*, Sự là cuộc sống thường ngày của chúng ta. Chưa thể tiêu hóa, dung hội những đạo lý ấy trong cuộc sống thường nhật, cho nên chúng ta chẳng thể thụ dụng trong cuộc sống được! Không thể thụ dụng thì học Phật sẽ học rất khổ. Nếu quý vị có thể thụ dụng thì học Phật sẽ vui sướng và tự tại lắm!

Giống như chúng ta ăn món gì đó, ruột gan của chúng ta rất tốt, sức tiêu hóa rất mạnh, hoàn toàn hấp thụ, biến thành dưỡng chất, bồi bổ thân thể, thân thể của quý vị sẽ cường tráng. Nếu quý vị ăn món gì chẳng tiêu

hóa được, bệnh sẽ mỗi ngày một nghiêm trọng hơn, càng ăn càng khổ! Học Phật là như thế, phải biến một câu A Di Đà Phật thành cuộc sống của chúng ta. Cuộc sống của chúng ta là A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ tự tại!

Biến A Di Đà Phật thành cuộc sống của chúng ta như thế nào? Quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa của A Di Đà Phật. Ý nghĩa của câu danh hiệu này nói đơn giản nhất là Vô Lượng Giác. Danh hiệu này dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, Vô Lượng Giác, thứ gì cũng đều phải giác ngộ, giác chứ không mê! Giác là sung sướng, mê bèn khổ sở. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, cho đến trong tâm khởi tâm động niệm, thấy đều là giác chứ không mê. Nói thô thiển một chút thì đãi người, tiếp vật, mặc áo, ăn cơm, chẳng có thứ gì mê hoặc, thấy đều là giác chứ không mê, biến A Di Đà Phật thành cuộc sống của chính mình. Nếu nói cặn kẽ, bộ Sớ Sao này từ đầu đến cuối đều nhằm nói về chuyện này, một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng nhằm nói về chuyện này, nhất định phải biến Phật pháp thành cuộc sống của chính mình, thật sự đạt đến “lìa khổ, được vui”.

Ví như tôi vừa mới nêu một thí dụ: Các vị đồng tu muốn đi xem bói, giá một lần xem bói là ba chục vạn đồng. Nếu gặp phải kẻ mê, hắn ta sẽ thật sự chịu để cho kẻ khác xem bói: “Nói chung, mạng ta khá lắm, để cho hắn ta coi bói thử! Trong tương lai ta sẽ kiếm được ba ngàn vạn, tón ba chục vạn coi bói cũng đáng lắm chứ!” Kẻ ấy mê rồi, đem tiền cúng cho gã thầy bói. Hắn đoán mạng cho quý vị, nhưng hắn đâu có đảm bảo về mặt pháp luật. Tương lai quý vị chẳng phát tài, đến tìm hắn, hắn lại xử một quẻ khác: “Ông bị tổn âm đức ở chỗ nào đó, làm chuyện gì bất hảo ở đâu đó, cho nên phước báo dần dần giảm bớt!” Miệng người là hai nếp thịt, mặc cho hắn nói cách nào cũng đều có lý hết! Tiền quý vị dâng suông cho hắn xoi! Vì vậy, chớ nên mê! Người giác chứ không mê thì “ta có tiền nhiều dường ấy, ta đem làm chuyện tốt, thật sự làm công đức”.

Người giác ngộ chẳng tích góp tiền, có tiền bèn làm chuyện tốt. Người giác ngộ chẳng ky góp tiền trong ngân hàng, mà cất tại đâu? Cất trong pháp giới, cất nơi hết thảy chúng sanh, người ấy tự tại lắm. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huân cũng có thể hiểu rõ đạo lý này đôi chút, có thể tăng trưởng tín tâm. Của cải do đâu mà có? Trong kinh luận, đức Phật đã nói rất nhiều. Của cải do bố thí mà có. Bố thí là gieo nhân, Tài Bố Thí được của cải.

Do vậy, người trong thế gian phát tài to lớn, quý vị chẳng cần phải ngưỡng mộ kẻ ấy. Trong mạng kẻ đó có của cải nhiều ngàn ấy là do đời

trước kẻ ấy tu Tài Bồ Thí rất nhiều. Có những người có học vấn, có trí huệ, nhưng chẳng có tiền của gì hết, trí huệ do đâu mà có? Do đời trước tu Pháp Bồ Thí. Pháp Bồ Thí đặc thông minh, trí huệ, Tài Bồ Thí đặc tiền của, Vô Úy Bồ Thí đặc trường thọ, khỏe mạnh. Tu nhân nhất định đạt được quả báo.

Người thật sự hiểu đạo lý này thì của cải ở nơi đâu sẽ có lợi tức lớn nhất? Thừa cùng quý vị, bồ thí hết thảy chúng sanh sẽ có lợi tức lớn nhất. Phật môn nói: “*Xả nhất, đắc vạn báo*” (xả một, được quả báo cả vạn), thật đây! Nhưng người ta chẳng tin, đây là vì kẻ ấy chẳng đủ thiện căn. Tín giải là thiện căn, sau khi tin, nếu quý vị chịu làm, chịu làm thì quý vị có phước báo. Tài, Pháp, Vô Úy, ba thứ bồ thí này luôn “tuy một mà ba, tuy ba nhưng là một”.

Ví như in kinh thì in kinh cần phải có tiền, Tài Bồ Thí đây. Kinh điển là pháp, Pháp Bồ Thí đây! Người khác chiếu theo pháp đó tu hành, đây là Vô Úy Bồ Thí. Tu một thứ bồ thí bao gồm ba thứ bồ thí, đó gọi là công đức bồ thí viên mãn. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Ví như ở Đài Loan có rất nhiều người phát tâm phóng sanh, phóng sanh thuộc về Vô Úy Bồ Thí; nhưng quý vị tự mình phóng sanh, chẳng bằng khuyên mọi người phóng sanh, công đức ấy càng lớn hơn!

Do vậy, tôi thường khuyên với các đồng tu phóng sanh in cuốn *Hộ Sanh Họa Tập*⁴, in nhiều sách vở, tranh ảnh khuyên mọi người phóng sanh. Thậm chí những tranh ảnh, văn tự tốt đẹp có thể đưa vào những đoạn phim quảng cáo trong rạp chiếu bóng, xem lâu ngày họ sẽ bị cảm động. Vì thế, khuyên người khác ăn chay, khuyên mọi người yêu thương bảo vệ loài vật chính là phóng sanh theo ý nghĩa càng rộng lớn hơn, công đức càng lớn hơn!

Dung hội lý luận vào cuộc sống khiến cho cuộc sống của chúng ta hoàn toàn tuân theo lý luận Phật pháp, học Phật pháp như vậy mới là hữu dụng. Nếu học Phật pháp mà chẳng liên quan gì đến cuộc sống của chúng ta thì quý vị hãy suy nghĩ: Chúng ta học để làm gì? Học Phật pháp là vì đời sau, nhưng đời sau còn chưa đến, chúng ta cũng chẳng cần phải lo lắng đến thế! Nếu Phật pháp là cuộc sống của chúng ta trong hiện tại, là cuộc

⁴ *Hộ Sanh Họa Tập* là một tập sách do họa sĩ “mạn họa” (manga) Phong Tử Khải, đệ tử của pháp sư Hoàng Nhất, vẽ theo sự hướng dẫn của ngài Hoàng Nhất. Dưới mỗi bức vẽ, ngài Hoàng Nhất chọn một bài thơ hay một đoạn văn ngắn nhằm khuyên đại chúng “bảo vệ tánh mạng loài vật chính là bảo vệ tánh mạng của chính mình”. Tập sách này được ra mắt lần đầu tiên vào năm 1929.

sống hạnh phúc, viên mãn và sung sướng nhất, tôi nghĩ ai nấy đều muốn học!

(Sớ) Lương diêu thể xuất thể gian, vô nhất pháp xuất ư tâm ngoại. Tịnh Độ sở hữu y báo, chánh báo, nhất nhất giai thị Bản Giác diệu minh.

(疏) 良繇世出世間，無一法出於心外，淨土所有依報正報，一一皆是本覺妙明。

(Sớ: Ấy là vì trong thể gian lẫn xuất thể gian, không một pháp nào ra ngoài tâm. Tất cả y báo và chánh báo của Tịnh Độ, mỗi thứ đều là Bản Giác diệu minh).

Câu này nêu rõ đạo lý nguyên do, tức là nói rõ vì sao phải tiêu quy tự tánh? Chẳng thể nào không tiêu quy tự tánh ư? Chẳng tiêu quy tự tánh thì quả thật chẳng được! Vì sao? Pháp thể gian và xuất thể gian, “*thể gian*” là nói [những pháp] thuộc tam giới lục đạo, “*xuất thể gian*” là nói tứ thánh pháp giới, Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trong nhà Phật gọi chung là mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*vô nhất pháp xuất ư tâm ngoại*” (chẳng có một pháp nào ra ngoài tâm), đạo lý này rất sâu! Trong những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Viên Giác, đức Phật dạy chúng ta: “*Duy tâm sở hiện*”. Vì sao có mười pháp giới? Chúng là Tướng Phần trong tâm quý vị, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nguyên lý của hết thảy biến hóa là thức, thức có thể biến, tâm có thể hiện. Thức và tâm là một, không hai. Nói “tâm” là nói đến Thể, nói “thức” là nói đến tác dụng. Bản thể có thể hiện, tác dụng có thể biến, nên mới có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sâm la vạn tượng, nhưng nói chung đều chẳng ra ngoài nhất tâm.

Tâm đã thanh tịnh thì chẳng những hết thảy sự vật trước mắt quý vị đều hiểu rất rõ, mà quá khứ, vị lai cũng đều biết rõ. Nếu cho rằng người biết quá khứ vị lai là thần tiên thì làm mất rồi! Chẳng có gì siêu phàm cả! Đây là những năng lực mà chúng ta có sẵn, mỗi một người chúng ta đều có! Vì sao người ta có, mà chính mình thì không? Tâm người ta thanh tịnh nên người ta có. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh nên năng lực ấy mất đi. Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông, những thứ thần thông này đều từ Định mà có. Nói cách khác, đây là những công năng vốn có trong Định. Định là tâm thanh tịnh, chúng ta nói tới nhất tâm bất loạn; tâm càng thanh tịnh sẽ càng gần với nhất tâm, năng lực ấy sẽ dần dần khôi phục. Do vậy, chẳng có gì là kỳ quái cả!

Nhưng loại thần thông này, trừ bản năng (năng lực vốn có) của chính mình và công phu định lực thật sự ra, còn có loại thần thông do quỷ thần dựa vào thân mà có. Tâm của người ấy trọn chẳng thanh tịnh, trọn chẳng đạt được công phu định lực, nhưng do có quỷ thần dựa vào thân nên kẻ đó cũng có năng lực ấy, cũng có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nếu quỷ thần lìa bỏ thân thể kẻ đó, ngay lập tức kẻ đó mất sạch thần thông. Vì sao? Chẳng phải do chính kẻ đó có, mà do quỷ thần dựa vào thân thể kẻ đó để khởi tác dụng thần thông. Hiện nay, trong thế gian này, những chuyện như vậy quá nhiều, bất luận tại Trung Quốc hay tại ngoại quốc, rất nhiều yêu ma quỷ quái dựa thân, nhưng chuyện này rất dễ nhận biết, chứ không phải là khó nhận biết, vì sao? Tâm thuật của kẻ ấy bất chánh, hành vi, cử chỉ đều chẳng đúng với chánh đạo, thường muốn hiếp đáp người khác, buộc quý vị phải làm việc cho hắn, hắn muốn xây chùa dựng miếu, muốn hóa duyên, muốn quý vị phải quyên tặng bao nhiêu tiền. Nói cách khác, quý vị bị hắn lợi dụng. Đó là những kẻ bị yêu ma quỷ quái dựa thân.

Phật pháp nhất định chẳng phải giống như vậy, vì sao? Mục tiêu lớn nhất trong Phật pháp là muốn cầu nhất tâm bất loạn, muốn cầu tâm không điên đảo. Nói cách khác, đó là tu Định, tu Huệ. Nếu thường nắm nín thì quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao quý vị có thể đắc Định? Tâm quý vị làm sao thanh tịnh được? Chẳng thể nào! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh. Đạo tràng này từ lúc kiến tạo mãi cho đến ngày nay, chúng tôi chưa hề đi hóa duyên. Mọi người giúp đỡ đạo tràng này [chi tiêu] cũng vừa khít, mỗi tháng đạo tràng chẳng có tiền dư ra, tháng nào chi tiêu cũng vừa đủ, tốt lắm! Tuyệt khéo! Chúng tôi muốn làm thêm một ít chuyện, thu nhập tháng ấy bèn nhiều hơn một chút. Không làm gì, thu nhập bèn ít hơn, tuyệt diệu vô cùng! Chẳng bận lòng! Phàm là muốn làm chuyện gì, nhất định làm thành công chuyện ấy, chẳng phan duyên, chẳng tích cớ. Thân tâm thanh tịnh, không có bất cứ áp lực nào, như vậy mới là tự tại! Chúng ta nhất định phải làm cách nào, làm như thế nào, muốn nghĩ cách để kiếm tiền, muốn đi hóa duyên, mệt chết luôn! Làm như vậy thì “được chẳng bù nổi mất”, tuyệt đối là sai lầm! Điều này cho thấy: Tâm chúng ta thanh tịnh là bậc nhất, trong tâm thanh tịnh, tự nhiên sanh trí huệ, có thể khôi phục những khả năng sẵn có của chúng ta. Không riêng gì hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đương nhiên Tây Phương Tịnh Độ cũng bao gồm trong ấy; Tây Phương Tịnh Độ cũng ở trong nhất tâm, mà cũng chẳng ra ngoài mười pháp giới.

Câu “*Tịnh Độ sở hữu y báo chánh báo*” (tất cả y báo và chánh báo trong Tịnh Độ) chỉ thế giới của Tây Phương A Di Đà Phật, “*nhất nhất giai thị Bốn Giác diệu minh*” (mỗi mỗi đều là Bốn Giác diệu minh) đặc biệt nêu ra chỗ thù thắng. Phần trước nói “*vô nhất pháp xuất u tâm ngoại*” (không có pháp nào ra ngoài tâm), cái tâm chúng ta có tịnh, có uế, có mê, có ngộ; do vậy mới có mười pháp giới. Tịnh Độ chỉ có ngộ mà không có mê, chỉ có tịnh, chứ không có nhiễm, đây là điều kiện cần phải hội đủ để vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Phải nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời thời khắc khắc giữ gìn cái tâm thanh tịnh của chính mình, đừng để nó bị ô nhiễm bởi cảnh giới. Nói “ô nhiễm” tức là nói động tâm; khởi tham, sân, si, mạn là bị ô nhiễm. Thuận với tâm mình bèn khởi tham ái, quý vị đã bị ô nhiễm [bởi tham ái]. Chẳng hợp ý mình bèn dấy lên nóng giận, quý vị bị sân khuê ô nhiễm. Quý vị phải hiểu: Thất tịnh, ngũ dục là tướng trạng và hình dạng của ô nhiễm. Nếu đối với hết thấy cảnh giới, chúng ta chẳng khởi thất tịnh, ngũ dục, giữ tâm thanh tịnh, bình đẳng, hiểu rành rẽ, rõ ràng hết thấy cảnh giới, điều nào nên làm chúng ta bèn tận tâm tận lực làm, làm cho viên mãn, tâm ấy là tâm thanh tịnh. Tâm như vậy mới có thể sanh về Tịnh Độ, tương ứng với Tịnh Độ, đây là “*Bốn Giác diệu minh*”. Bốn chữ “*Bốn Giác diệu minh*” phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác cũng có. Dưới đây là một tỷ dụ:

(Sớ) *Thí chi bình, hoàn, thoa, xuyên, khí khí duy kim.*

(疏) 譬之瓶環釵釧，器器唯金。

(Sớ: *Thí như bình, hoa tai, thoa, xuyên, món nào cũng chỉ là vàng*).

Cổ đức thường dùng tỷ dụ này: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Vàng ví như Thể, những món đồ ví như Tướng. Tướng tuy khác nhau, nhưng Thể là một. “*Bình*” (瓶) là bình đựng nước hoặc bình cắm hoa. “*Hoàn*” (環) là vòng đeo tai, “*thoa*” (釵) là trâm cài đầu, “*xuyên*” (釧) là vòng đeo tay, những món này đều bằng vàng. Đồ vật tuy khác, nhưng chất liệu giống nhau, món nào cũng đều bằng vàng.

(Sớ) *Khê giản giang hà, lưu lưu nhập hải.*

(疏) 溪澗江河，流流入海。

(Sớ: *Khe, ngòi, rạch, sông, dòng nước nào cũng đều đổ vào biển cả*).

Đây là tỷ dụ thứ hai, dùng nước làm tỷ dụ. “*Khe giản*” là những dòng sông nhỏ. “*Giang hà*” là những con sông lớn. Bất kể là sông cái hoặc suối nhỏ, nước giống nhau; đã thế, những dòng nước ấy đều chảy vào biển cả.

(Sớ) Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(疏) 無不從此法界流，無不還歸此法界也。

(Sớ: Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất. Không có gì chẳng trở về pháp giới này).

Đây là nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, bao gồm cả hai pháp y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, từ nhất tâm biến hiện ra, trở về nhất tâm, chẳng lìa ngoài nhất tâm. Vì vậy, nhất tâm là bản thể, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Nhất tâm thì tâm ở nơi đâu? Đây là một câu hỏi rất lớn, nếu quý vị nói tâm ở trong thân thể của chúng ta, nếu quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết: Đức Phật gạn hỏi ngài A Nan tâm ở chỗ nào? A Nan trước hết nói tâm ở bên trong, bị Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi dồn đến mức không nói gì được, ép đến nỗi A Nan không có cách gì hết. Đại khái tâm chẳng ở bên trong, chẳng ở ngoài thân, ở bên ngoài chẳng phải, bên trong cũng không phải, khoảng giữa cũng không phải. Ngài A Nan rất thông minh, nghĩ đến bảy chỗ, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật đều bác sạch, bảy chỗ đều trật, rốt cuộc tâm ở nơi đâu? Nếu có thể hiểu được đoạn văn ấy, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, tâm không đâu chẳng tồn tại!

Trong phần trên đã có nói, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, những thứ được hiện và biến có thể vượt ra ngoài phạm vi của tâm hay không? Vượt không được! Do vậy, trong kinh đức Phật bảo chúng ta: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tâm chúng ta quá lớn, tận hư không, khắp pháp giới đều nằm trong tâm chúng ta, tâm lượng to lớn! Hiện thời, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ, hai người chẳng thể dung nạp lẫn nhau, đáng thương! Thật sự đáng thương! Mê rồi! Vì sao hai người chẳng thể dung nạp lẫn nhau? Vì họ khởi lên phân biệt, khởi lên chấp trước. Phân biệt, chấp trước chẳng phải là tâm (chân tâm), trong tâm (chân tâm) không có phân biệt, chấp trước, trong thức mới có phân biệt, chấp trước. Do vậy, chúng ta nói “tâm” tức là nói tới chân tâm, thức là vọng

tâm. Trong vọng tâm có phân biệt, chấp trước, trong chân tâm không có. Chân tâm là thanh tịnh, bình đẳng. Khi tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng, hết thấy pháp giới quả thật là một, không hai, nên mới có thể thật sự tiêu hóa, dung hội. Vì vậy, tâm lượng nhỏ bé, sẽ không có cách nào tiêu hóa, dung hội, vì sao? Giới hạn quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều. Nếu bỏ được phân biệt, chấp trước, thì sẽ tiêu hóa, sẽ dung hội, vạn pháp quy nhất chính là dung hội. Trong Phật pháp còn có một danh từ khác [để gọi] sự dung hội ấy: Quý vị chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân. Thanh tịnh Pháp Thân là y báo và chánh báo dung thông vô ngại. Chúng ta thường nói chứng đắc Pháp Thân là thành Phật. Chỉ có Phật mới có thể chứng đắc Pháp Thân.

(Diễn) Thế xuất thế gian bất xuất tâm ngoại giả, thế gian nhiễm pháp, xuất thế gian tịnh pháp.

(演) 世出世間不出心外者，世間染法，出世間淨法。

(Diễn: “Thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài tâm”: Thế gian là nhiễm pháp, xuất thế gian là tịnh pháp).

Thế gian là nhiễm pháp, là lục phàm pháp giới; xuất thế gian là tịnh pháp, tứ thánh pháp giới. Địa vị thấp nhất trong tứ thánh là A La Hán, A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não. Kiến Hoặc có năm loại lớn:

- Thân Kiến: Chấp trước thân này là ta. Hiện thời có ai chẳng nói thân là ta? Hết sức yêu thương, bảo vệ cái thân này, cho rằng thân là ta, đây là sai lầm. Vì quý vị có thứ chấp trước này, nên quý vị chẳng thể đắc nhất tâm, chẳng thể đắc thanh tịnh, chẳng thể liễu sanh thoát tử, vì sao? Quý vị chấp thân này là ta, thân là sanh diệt, nó nhất định phải sanh tử.

Khi nào quý vị hiểu cái thân này chẳng phải là ta thì hãy hỏi: Cái gì sanh tử? Không có sanh tử. Sanh tử thật ra không có. Trên thực tế, thân này chẳng phải là ta, trong thân không có Ngã, có đạo lý rất sâu ở nơi đây.

- Biên Kiến: Biên Kiến cũng là phân biệt, chấp trước. Phàm cái gì là tương đối thì đều là Biên Kiến. Có lớn phải có nhỏ. Có ta thì phải có người. Có đúng thì phải có sai. Có chánh thì phải có tà. Đó là Biên Kiến.

- Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến: Hai thứ này chúng ta thường gọi là “thành kiến”, [chúng ta hay nói] người nào đó có thành kiến rất sâu. Có thành kiến về phương diện tu nhân hay phương diện tu hành thì gọi là Giới Thủ Kiến. Có thành kiến nơi quả báo thì gọi là Kiến Thủ Kiến.

- Tà Kiến: Hết thấy những kiến giải sai lầm chẳng thuộc vào bốn loại lớn trên đây thì gọi là Tà Kiến.

A La Hán không có năm loại kiến giải sai lầm to lớn này, tâm thật sự thanh tịnh.

Tư Hoặc gồm năm loại lớn: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tham ái, nóng giận, ngu si. Ngu si là tà - chánh, đúng - sai, chân - vọng chẳng thể phân biệt. Mạn là ngạo nghễ, ngã mạn. Nghi là hoài nghi Phật pháp và chánh pháp. Năm loại tư tưởng sai lầm này A La Hán cũng không có. Dù thấy khi ấy, tâm vị ấy thật sự thanh tịnh, Phật học gán cho vị ấy một danh từ là Chánh Giác.

A La Hán là Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là “*xuất thế tịnh pháp*”. Trên A La Hán còn có Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, đương nhiên khỏi cần phải bàn tới rồi!

(Diễn) *Nhiễm tịnh tuy thù.*

(演) 染淨雖殊。

(Diễn: *Nhiễm và tịnh tuy khác.*)

“Thù” (殊) là không giống nhau.

(Diễn) *Bất ly tự tâm.*

(演) 不離自心。

(Diễn: *Chẳng lìa tự tâm.*)

“*Nhiễm*” do tự tâm biến hiện, “*tịnh*” cũng do tự tâm biến hiện. Tự tâm tịnh biến thành tứ thánh pháp giới, tự tâm nhiễm biến thành lục phàm pháp giới. Toàn là do một tâm biến ra.

(Diễn) *Dĩ ly tâm vô lục đạo, ly tâm vô tam thừa cố.*

(演) 以離心無六道，離心無三乘故。

(Diễn: *Do lìa khỏi tâm không có lục đạo, lìa khỏi tâm chẳng có tam thừa.*)

“*Tam thừa*” là Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa.

(Diễn) *Tịnh Độ y chánh, giai thị Bản Giác giả.*

(演) 淨土依正，皆是本覺者。

(Diễn: *Y báo và chánh báo của Tịnh Độ đều là Bản Giác.*)

Dựa trên những điều được giảng trong kinh này, kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh thì...

(Diễn) *Y tức bảo trì, hàng thụ đẳng, chánh tức Phật cập Bồ Tát, tam bối cứu phẩm đẳng.*

(演) 依即寶池行樹等，正即佛及菩薩三輩九品等。

(Diễn: *Y báo là ao báu, hàng cây v.v... Chánh báo là Phật, Bồ Tát và ba bậc chín phẩm vãng sanh v.v...)*

Phàm là những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc về chánh báo.

(Diễn) *Như hậu văn sở minh, bảo trì tức tự tánh chi uông dương xung dung, hàng thụ tức tự tánh chi xuất sanh chúng thiện.*

(演) 如後文所明。寶池即自性之汪洋冲融，行樹即自性之出生眾善。

(Diễn: *Như trong phần sau [của Sớ Sao] sẽ giảng: Ao báu chính là tự tánh môn minh, bát ngát, hàng cây chính là tự tánh xuất sanh các điều lành).*

“Thụ” (樹) nghĩa là “thụ lập” (樹立: dựng lên), kiến tạo, kiến lập. Kiến lập hết thấy thiện pháp, dùng theo ý nghĩa này.

(Diễn) *Thanh Văn tức tự tánh Chân, Bồ Tát tức tự tánh Tục, Phật tức tự tánh Trung.*

(演) 聲聞即自性真，菩薩即自性俗，佛即自性中。

(Diễn: *Thanh Văn là Chân trong tự tánh, Bồ Tát là Tục trong tự tánh, Phật là Trung trong tự tánh).*

“Trung” là Trung Đạo. Đây là nói về Tam Đế: Chân Đế, Tục Đế và Trung Đế.

(Diễn) *Hựu phục nhất niệm cụ túc tam thiên, nhi tam thiên trung, sanh âm nhị thiên vi chánh.*

(演) 又復一念具足三千，而三千中，生陰二千為正。

(Diễn: *Lại nữa, nhất niệm trọn đủ ba ngàn điều, nhưng trong ba ngàn điều ấy, chúng sanh và Ngũ Âm gồm hai ngàn điều là chánh báo).*

“*Sanh*” là chúng sanh, tức hữu tình chúng sanh. “*Âm*” là Ngũ Âm. Thân của hết thấy chúng sanh đều là thân Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “*Tam thiên*” biểu thị hết thấy các pháp thiện, ác, Tánh, Tướng trong thế gian và xuất thế gian.

(Diễn) *Quốc độ nhất thiên thuộc y.*

(演) 國土一千屬依。

(Diễn: Một ngàn điều trong phạm vi cõi nước thuộc về y báo).

Nói tới y báo.

(Diễn) *Quốc độ y chánh ký cư nhất tâm, nhất tâm khởi phân Năng, Sở, cố viết nhất nhất giai thị. Khí khí duy kim, thị toàn vọng toàn chân nghĩa. Lưu lưu nhập hải, thị hội vọng quy chân nghĩa.*

(演) 國土依正既居一心，一心豈分能所，故曰一一皆是。器器唯金，是全妄全真義。流流入海，是會妄歸真義。

(Diễn: Cõi nước, y báo, và chánh báo đã thuộc trong nhất tâm thì làm sao có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở. Cho nên nói “mỗi pháp đều là”. “Món nào cũng chỉ là vàng” tức là ý nghĩa toàn chân tức vọng, toàn vọng tức chân. “Dòng nào cũng đổ vào biển” là ý nghĩa dung thông vọng để quy kết vào chân).

Chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa trong đoạn kinh văn này.

(Diễn) *Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới giả, pháp giới vị Nhất Chân pháp giới, tức Khởi Tín Tâm Chân Như môn. Lưu hữu lưu xuất nghĩa, vị tùng bình đẳng pháp giới, nhất niệm bất giác, lưu xuất tam tế lục thô chủng chủng cảnh giới. Hoàn hữu hoàn chuyển nghĩa, vị: Nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chỉ tướng, nhi nhất thiết cảnh giới toàn thị diệu minh.*

(演) 無不從此法界流，無不還歸此法界者，法界謂一真法界，即起信心真如門。流有流出義，謂從平等法界，一念不覺，流出三細六粗種種境界。還有還轉義，謂若離心念，則無一切境界之相，而一切境界全是妙明。

(Diễn: Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Nói “pháp giới” nghĩa là Nhất Chân pháp giới, tức là Tâm Chân Như môn trong Khởi Tín Luận. “Lưu” có nghĩa là lưu xuất, ý nói: Từ pháp giới bình đẳng do một niệm bất giác mà lưu xuất tam tế, lục thô và các thứ cảnh giới. “Hoàn” có nghĩa là hoàn chuyển (xoay trở về), ý nói: Nếu là tâm niệm thì không có tướng của hết thấy các cảnh giới, mà hết thấy cảnh giới hoàn toàn là diệu minh).

Ý nghĩa này rất sâu, lần sau chúng tôi sẽ giảng tường tận, hôm nay đã hết thời gian rồi.